

Số: 1961/QĐ-UBND

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình canh tác phục vụ Đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 167/TTr-SNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình canh tác phục vụ Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” (đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai nội dung “Chương trình canh tác phục vụ Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” theo Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KTN, KTTH;
- Lưu: VT.

Trần Anh Thư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2022

**CHƯƠNG TRÌNH CANH TÁC PHỤC VỤ ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU GẠO TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2025 VÀ
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh An Giang)

I. Cơ sở pháp lý

Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ về quy định chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang liên minh Châu Âu;

Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang liên minh Châu Âu và Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ai-Len;

Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Thông báo số 180/TB-VPCP ngày 04/4/2017 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị Giải pháp phát triển bền vững ngành hàng lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long;

Quyết định số 555/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2025 và 2030;

Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 11/11/ 2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành kế hoạch chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Đề án “Xây dựng và Phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

II. Sự cần thiết

Việt Nam cũng như khu vực đồng bằng Sông Cửu Long có thể mạnh về trồng lúa, nhiều tiến bộ khoa học được áp dụng cả trong khâu trồng trọt, canh tác lẫn chế biến, trong

những năm gần đây gạo Việt Nam tham gia các kỳ thi đấu gạo ngon nhất thế giới và đã đạt được thành tích khá tốt. Tuy nhiên, để xây dựng thương hiệu thì đến nay vẫn chưa được bắt đầu, chỉ dừng lại thương hiệu của từng doanh nghiệp đơn lẻ.

An Giang là một trong những địa phương có sản lượng lúa lớn đứng thứ hai của cả nước (sau tỉnh Kiên Giang), sản lượng hằng năm đạt gần 4 triệu tấn, xuất khẩu hằng năm đạt từ 500 - 550 ngàn tấn gạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và trở thành một trong bốn ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Tuy nhiên, vấn đề đồng bộ về tiêu chuẩn chất lượng còn hạn chế, lượng gạo tiêu thụ trong nước và xuất khẩu được đóng túi có thương hiệu còn ít. Theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 01/03/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành kế hoạch chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030, xác định tăng tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp và mang thương hiệu gạo An Giang.

Do đó, để xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang, ngoài yếu tố chương trình về giống thì chương trình canh tác cũng góp phần quyết định thành công việc xây dựng thương hiệu gạo tỉnh An Giang.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Xây dựng quy trình canh tác lúa để áp dụng cho các vùng nguyên liệu tham gia Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang, đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm gạo trên thị trường, nâng cao giá trị hạt gạo, góp phần thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân và doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật để áp dụng cho các vùng nguyên liệu tham gia Đề án. Quy trình kỹ thuật canh tác lúa đảm bảo đạt tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu và lấy tiêu chuẩn canh tác SRP 90 điểm làm điểm sàn, tham chiếu Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu.

- Tổ chức lại sản xuất:

+ Tạo mạng lưới sản xuất giống từ nguyên chủng đến giống xác nhận gắn với doanh nghiệp sản xuất, ưu tiên các mô hình liên kết sản xuất gắn liền với tiêu thụ.

+ Quy hoạch vùng trồng cho các giống lúa phục vụ xây dựng thương hiệu An Giang, đảm bảo chất lượng ổn định; nâng cao năng lực cho thành viên và ban quản trị HTX.

- Ưu tiên các vùng sản xuất lúa 02 vụ để phát triển nguồn nguyên liệu cho thương hiệu gạo An Giang.

IV. Nội dung thực hiện

1. Xây dựng quy trình canh tác phục vụ Đề án

Yêu cầu của quy trình canh tác: khi nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp sản xuất lúa hàng hóa trong vùng nguyên liệu của Đề án ứng dụng quy trình sản xuất ra sản phẩm đảm bảo đạt tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu (lấy tiêu chuẩn canh tác SRP 90 điểm Sustainable Rice Platform - làm điểm sàn; quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu theo Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 4/9/2020).

Quy trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo từ: chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quy trình canh tác lúa 1 Phải 5 Giảm; tiêu chuẩn canh tác lúa gạo bền vững, phiên bản 2.1 - Diễn đàn lúa gạo bền vững; quy trình kỹ thuật canh tác lúa giảm chi phí và nâng cao hiệu quả tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định 73/QĐ-TT-VPPN ngày 25/4/2022 của Cục Trồng trọt).

(Quy trình canh tác chi tiết - phụ lục 1 đính kèm)

2. Quy hoạch vùng trồng cho các giống lúa phục vụ xây dựng thương hiệu An Giang; tổ chức lại sản xuất, đảm bảo chất lượng ổn định.

Trên cơ sở mục tiêu phát triển sản xuất lúa gạo theo hướng nâng cao giá trị hạt lúa, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm lúa gạo trên thị trường xuất khẩu, tiến hành quy hoạch vùng trồng và tổ chức lại sản xuất lúa, đáp ứng các yêu cầu:

+ Sản xuất theo nhu cầu thị trường trong đó trọng tâm là doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác; để xây dựng và phát triển thương hiệu gạo đặc sản của tỉnh, ưu tiên địa phương/vùng có diện tích gieo trồng lúa liên kết sản xuất - tiêu thụ với doanh nghiệp.

Ưu tiên các vùng sản xuất lúa 02 vụ để phát triển nguồn nguyên liệu cho thương hiệu gạo An Giang.

Các Hợp tác xã/Tổ hợp tác là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong sản xuất của vùng, đảm bảo quy trình canh tác đúng như hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp, nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn chất lượng để cung cấp nguyên liệu xây dựng thương hiệu gạo An Giang.

+ Các doanh nghiệp chịu trách nhiệm chính trong tiêu thụ sản phẩm,

+ Lịch thời vụ: phù hợp tùy theo tình hình từng địa phương nhưng phải tuân thủ lịch xuống giống đồng loạt, tập trung, né rầy và theo khung lịch thời vụ chung của tỉnh.

+ Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất lúa để nâng cao chất lượng và giá trị lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, từng bước tạo ra sản phẩm lúa gạo an toàn đáp ứng nhu cầu thị trường, sản xuất theo hướng phát triển bền vững.

3. Triển khai quy trình canh tác (phục vụ Đề án) đến địa phương, doanh nghiệp.

Trên cơ sở vùng nguyên liệu của doanh nghiệp tham gia Đề án, hàng vụ ngành Nông nghiệp phối hợp với địa phương xác định giống lúa được chọn canh tác, tiến hành triển khai tổ chức gieo trồng lúa và hướng dẫn quy trình kỹ thuật canh tác (thông qua hội thảo đầu vụ, tập huấn khuyến nông,...) để sản phẩm lúa gạo của nông dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia Đề án đạt theo yêu cầu doanh nghiệp, phục vụ xây dựng thương hiệu gạo An Giang.

Trong quá trình sản xuất, tùy điều kiện thực tế (tùy cuối vụ) phối hợp doanh nghiệp mời cơ quan chuyên môn (bên thứ 3) đến vùng nguyên liệu đánh giá mức độ đạt tiêu chuẩn (theo yêu cầu).

4. Xây dựng mạng lưới sản xuất giống từ nguyên chủng đến giống xác nhận gắn với doanh nghiệp sản xuất, phục vụ Đề án.

Trên cơ sở các hợp tác xã, tổ giống hiện có tại các địa phương đề xuất với các doanh nghiệp tham gia Đề án phối hợp tổ chức nhân giống xác nhận tại vùng nguyên liệu có sự kiểm soát, quản lý của cơ quan chuyên môn, nhằm cung cấp nguồn giống lúa chất lượng tại chỗ, chi phí thấp.

Thực hiện tổ chức nhân giống yêu cầu phải trước 01 vụ (so với sản xuất của vùng nguyên liệu) để đảm bảo cung cấp nguồn giống lúa kịp mùa vụ sản xuất.

5. Triển khai các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân liên kết sản xuất - tiêu thụ theo các tiêu chuẩn của thị trường phục vụ xây dựng thương hiệu

- Giới thiệu, mời gọi doanh nghiệp tham gia vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu gạo tỉnh An Giang;

- Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nông dân, tại địa phương tham gia đầu tư, góp vốn vào HTX để cùng sản xuất - kinh doanh;

- Tạo điều kiện ngày càng nhiều doanh nghiệp lương thực đến đầu tư, liên kết sản xuất - tiêu thụ tại An Giang; được hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh và các văn bản

liên quan nhằm hỗ trợ HTX, THT, doanh nghiệp đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm.

6. Hình thành, phát triển và hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp tham gia Đề án xây dựng và Phát triển thương hiệu gạo, thực hiện chỉ dẫn địa lý,...

- Vận động thành lập Hợp tác xã tại những tiểu vùng, khu vực sản xuất, vùng nguyên liệu của doanh nghiệp (nếu chưa có hợp tác xã), phục vụ sản xuất cung ứng nguyên liệu cho doanh nghiệp.

- Phát triển các hợp tác xã gắn với tổ chức sản xuất, ứng dụng công nghệ và có liên kết doanh nghiệp tham gia Đề án;

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, điều hành Hợp tác xã để nâng cao năng lực, trình độ trong tổ chức sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

7. Thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát sản xuất theo Quy trình canh tác (đã ban hành, triển khai) tại các vùng nguyên liệu đăng ký tham gia Đề án.

Tổ chức Đoàn công tác gồm sở, ngành liên quan, cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp tham gia kiểm tra, giám sát theo lịch định kỳ của chu trình sản xuất về việc thực hiện sản xuất theo Quy trình canh tác (đã ban hành, triển khai) tại các vùng nguyên liệu đăng ký của Đề án.

8. Công bố chất lượng lúa, gạo mang thương hiệu An Giang

Sau khi có kết quả của cơ quan (thứ 3) đánh giá sản phẩm lúa gạo đạt mức độ theo tiêu chuẩn, phối hợp với sở, ngành liên quan và doanh nghiệp tổ chức công bố chất lượng lúa, gạo nhằm thuận lợi trong việc lưu thông, thương mại của doanh nghiệp và giúp nâng cao giá trị của hạt lúa, gạo An Giang.

Trên cơ sở những nội dung được xác lập trên, tiến độ triển khai Chương trình canh tác như sau (dự kiến):

T T	Nhiệm vụ thực hiện	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Ghi chú
1	Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình canh tác hàng năm, phục vụ Đề án.	Quý III/2022 và Quý IV hàng năm (xây dựng cho năm tiếp theo)	QĐ UBND	

T T	Nhiệm vụ thực hiện	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Ghi chú
2	Triển khai quy trình canh tác (phục vụ Đề án) đến địa phương, doanh nghiệp.	Năm 2022-2025 và đến năm 2030	Văn bản tham mưu	- Năm 2022: sau khi Đề án được phê duyệt. - Lồng ghép các Chương trình, Dự án để hỗ trợ đầu tư, tập huấn quy trình canh tác cho người dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và doanh nghiệp tham gia phát triển thương hiệu gạo.
3	Quy hoạch vùng trồng cho các giống lúa phục vụ xây dựng thương hiệu An Giang. - Tổ chức lại sản xuất, đảm bảo chất lượng ổn định.	Năm 2022-2025 và đến năm 2030	Văn bản tham mưu	Ưu tiên các vùng sản xuất lúa 02 vụ để phát triển nguồn nguyên liệu cho thương hiệu gạo An Giang.
4	Xây dựng mạng lưới sản xuất giống từ nguyên chủng đến giống xác nhận gắn với doanh nghiệp sản xuất, phục vụ Đề án.	Năm 2022-2025 và đến năm 2030	Văn bản tham mưu	- Ưu tiên các mô hình liên kết sản xuất gắn liền với tiêu thụ. - Lồng ghép các Chương trình, Dự án để hỗ trợ đầu tư, tập huấn quy trình sản xuất lúa giống cho người dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và doanh nghiệp tham gia phát triển thương hiệu gạo.
5	Triển khai các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân liên kết sản xuất và tiêu thụ theo các tiêu chuẩn của thị trường phục vụ xây dựng thương hiệu.	Năm 2022-2025 và đến năm 2030.	Văn bản tham mưu	
6	Hình thành, phát triển và hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp tham gia Đề án xây dựng và Phát triển thương hiệu gạo, thực hiện chỉ dẫn địa lý, ...	Năm 2022-2025 và đến năm 2030	Văn bản tham mưu	hỗ trợ 50 hợp tác xã

T T	Nhiệm vụ thực hiện	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Ghi chú
7	Thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát vùng nguyên liệu theo Quy trình canh tác đã ban hành triển khai tại các vùng nguyên liệu đăng ký tham gia Đề án.	Năm 2022 - 2025 và đến năm 2030	Văn bản tham mưu	
8	Công bố chất lượng lúa, gạo mang thương hiệu An Giang	Theo tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất vụ mùa của lúa gạo mang thương hiệu An Giang		

V. Kinh phí thực hiện (dự kiến)

Tổng kinh phí dự kiến để triển khai Chương trình: **11.582.000.000 đồng** (Mười một tỷ năm trăm tám mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 6.830.000.000 đồng;
- Đối ứng (dân, doanh nghiệp,...): 4.752.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí thuộc ngân sách để triển khai Chương trình được thực hiện theo các quy định hiện hành và trên cơ sở lồng ghép vào nguồn kinh phí hàng năm được cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

(Kinh phí các hạng mục sẽ xây dựng chi tiết theo kế hoạch hàng năm)

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình canh tác, trong đó quan tâm hỗ trợ đầu tư, tập huấn quy trình canh tác, quy trình sản xuất lúa giống cho người dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và doanh nghiệp tham gia phát triển thương hiệu gạo.

- Tổ chức đoàn công tác để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quy trình canh tác đã triển khai tại các vùng nguyên liệu đăng ký tham gia Đề án.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật những tiến bộ kỹ thuật, quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật để cập nhật trong quy trình canh tác lúa, triển khai đến nông dân vùng nguyên liệu, chất lượng lúa gạo đạt theo yêu cầu doanh nghiệp.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các cá nhân, đơn vị liên quan đã tích cực tham gia và thực hiện có hiệu quả Chương trình.
- Chịu trách nhiệm tổng hợp và đề xuất các giải pháp xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình từ các cơ quan, đơn vị phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.
- Báo cáo định kỳ, đột xuất (nếu có) đến Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

2. Sở Công Thương

- Phối hợp, tham gia đoàn công tác để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quy trình canh tác đã triển khai tại các vùng nguyên liệu - đăng ký tham gia Đề án.
- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: mời gọi doanh nghiệp tham gia Đề án; hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm lúa gạo; hỗ trợ hoạt động công bố chất lượng lúa - gạo mang thương hiệu An Giang.
- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm soát chất lượng gạo công bố mang thương hiệu tỉnh An Giang.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp, tham gia đoàn công tác để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quy trình canh tác đã triển khai tại các vùng nguyên liệu - đăng ký tham gia Đề án.
- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: hướng dẫn doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh gạo sử dụng logo nhãn hiệu chứng nhận theo quy định; thúc đẩy áp dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm gạo; công bố chất lượng lúa, gạo mang thương hiệu An Giang;...
- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng đổi mới công nghệ, áp dụng các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm lúa gạo,... (nếu doanh nghiệp có nhu cầu) và đáp ứng theo Quy định Nhà nước về hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

4. Sở Tài Chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chương trình trên cơ sở lồng ghép với các nguồn kinh phí khác, trong dự toán các cơ quan, đơn vị được giao hàng năm và theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: triển khai các cơ chế, chính sách đầu tư để hỗ trợ

doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, công nghệ chế biến để tạo ra sản phẩm chất lượng phục vụ phát triển thương hiệu gạo.

6. Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: vận động nông dân tham gia sản xuất theo quy trình canh tác tạo sản phẩm đạt chất lượng xây dựng thương hiệu; vận động nông dân tham gia thành lập, phát triển hợp tác xã; triển khai các chính sách đến hợp tác xã; công bố chất lượng lúa, gạo mang thương hiệu An Giang;...

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: vận động nông dân tham gia thành lập, phát triển hợp tác xã; tư vấn, tuyên truyền về chủ trương, chính sách pháp luật về HTX, lợi ích của HTX; tổ chức các lớp sáng lập viên cho HTX, liên hiệp HTX trong quá trình chuẩn bị thành lập; tư vấn xây dựng điều lệ, lập kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, quy chế quản lý, điều hành HTX; phối hợp Sở, ban ngành liên quan và địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTX; hỗ trợ hoạt động công bố chất lượng lúa - gạo mang thương hiệu An Giang;...

8. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động liên quan trong nội dung Chương trình canh tác trên địa bàn huyện.

9. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh lúa, gạo

- Đăng ký nhu cầu tham gia vùng nguyên liệu, thực hiện chương trình canh tác và cam kết liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm lúa gạo theo quy trình canh tác triển khai.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động liên quan trong nội dung Chương trình canh tác./.

PHỤ LỤC 1
QUY TRÌNH KỸ THUẬT CANH TÁC LÚA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Phục vụ Đề án “Xây dựng và Phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”)

1. Thời vụ:

Tùy điều kiện từng địa phương, tuân thủ lịch thời vụ khuyến cáo của tỉnh tùy thuộc từng vụ (thời tiết, bẫy đèn, mực nước,...) mà sẽ có lịch xuống giống cụ thể.

Lịch thời vụ cho biết ngày dự kiến thực hiện các hoạt động trên đồng, các hoạt động bao gồm (nếu áp dụng được):

(1)- Thời điểm của các công việc chính (làm đất, xuống giống, thu hoạch).

(2)- Thời điểm bón phân chính (kế hoạch các lần bón, liều lượng) và các hoạt động quản lý nước (bơm tưới, số lần tưới).

(3)- Thời điểm đánh giá nguy cơ dịch hại và mức độ thiệt hại (thăm đồng vào giai đoạn nào? nguy cơ sâu hay bệnh nhiều?, ...)

(4)- Thời điểm thuê các dịch vụ lao động và/hoặc hợp đồng (vd: thuê máy cày, xới, thu hoạch, drone, thuê lao động làm cỏ, bón phân, phun thuốc BVTV, ...)

Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:

- Nông dân ghi chép đầy đủ các ngày dự kiến và ngày thực tế thực hiện của 4 hoạt động trên (nếu có thực hiện sẽ được bổ sung) sẽ đạt điểm tối đa là 3 điểm;

- Nếu chỉ ghi chép được hoạt động 1 và 2 thì nông dân sẽ được 2 điểm;

- Nông dân ghi được ngày dự kiến và ngày thực tế thực hiện hoạt động 1, nông dân sẽ được 1* điểm.

- Còn lại không có kế hoạch mùa vụ hoặc chưa hoàn thành sẽ không có điểm ở yêu cầu này. Và ở nội dung này, các nông dân trong cùng một nhóm sẽ chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát chéo nhau để cùng thực hiện.

2. Chuẩn bị lúa giống:

- Chọn hạt giống: cần phải sử dụng hạt giống lúa cấp xác nhận theo quy chuẩn QCVN:01-54/BNNPTNT.

- Chọn loại giống: tên giống lúa được chọn để canh tác từ danh mục các giống lúa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Chương trình giống thuộc Đề án để xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang hoặc có thể được điều chỉnh, bổ sung tùy theo nhu cầu tiêu thụ của doanh nghiệp.

Một số giống lúa đã được đề xuất tham gia để xây dựng thương hiệu: Jasmine 85, OM18, Lộc Trời 28, OM5451.... (kèm phụ lục 2 đặc tính giống lúa),...

Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:

+ Nông dân sử dụng giống xác nhận phù hợp với điều kiện địa phương và đáp ứng các tiêu chí giống cấp xác nhận: đạt điểm tối đa là 3 điểm.

+ Nông dân sử dụng giống tự sản xuất và đáp ứng các tiêu chí về giống, được kiểm soát chất lượng tối đa 3 vụ liên tiếp thì sẽ đạt 2 điểm.

+ Các trường hợp còn lại sử dụng giống lúa không có kiểm soát chất lượng thì không có điểm.

3. Làm đất và chuẩn bị đất xuống giống:

Vệ sinh đồng ruộng: sau khi thu hoạch cần dọn - vệ sinh đồng ruộng để hạn chế mầm bệnh gây hại cho cây lúa ở vụ sản xuất kế tiếp. Đặc biệt, lượng rơm rạ để lại trên đồng ruộng khá lớn, cần thu gom rơm rạ khỏi ruộng, nếu trường hợp không thu gom mà để rơm rạ lại trong ruộng thì xử lý bằng cách phun chế phẩm Trichoderma sẽ giúp rơm rạ phân hủy nhanh và không chế các mầm bệnh lưu tồn trong rơm rạ như nấm *Rhizoctonia* gây bệnh đốm vằn; nấm *Fusarium* gây bệnh lúa von...

Làm đất và chuẩn bị đất xuống giống		
Vụ Đông Xuân (ĐX)	Vụ Hè Thu (HT)	Vụ Thu Đông (TĐ)
Sau khi thu hoạch lúa vụ Thu Đông, tiến hành cày xới lần I, khoảng 1 – 3 tuần sau, tiến hành làm đất chuẩn bị xuống giống, dùng máy cày/xới (chạy chậm, tác 2) để đạt độ sâu làm đất khoảng 7 - 10 cm, trang phẳng mặt ruộng, tạo điều kiện cho hạt giống mọc tốt. Đánh rãnh, xẻ nhiều rãnh thoát nước để thuận lợi cho việc đưa nước vào ruộng và bón phân. * Lưu ý: Không đốt rơm, rạ. Cần kết hợp xử lý chuột, cỏ và ốc bươu vàng; nếu xử lý thuốc BVTV phải thuộc danh mục cho phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Cuối vụ Đông Xuân và đầu vụ Hè Thu có thời gian đất nghỉ - chưa xuống giống liền thì sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân, tiến hành cày phơi ải đất ít nhất 15 – 20 ngày tăng khả năng cung cấp dinh dưỡng cho cây lúa. Sau thời gian phơi ải, tiến hành bơm nước vào ruộng, ngập khoảng 3 - 5cm và trực, trang bằng mặt ruộng, đánh đường nước. * Lưu ý: Không đốt rơm, rạ. Cần kết hợp xử lý chuột, cỏ và ốc bươu vàng. Nếu xử lý thuốc BVTV phải thuộc danh mục cho phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	- Tương tự vụ Đông Xuân. * Lưu ý: Xử lý rơm rạ tránh ngộ độc hữu cơ.

Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:

- + Nông dân san bằng mặt ruộng đạt 1/1000 độ dốc trong ruộng: đạt điểm tối đa là 3 điểm.
- + Nông dân chỉ san bằng mặt ruộng thông thường mỗi vụ thì sẽ đạt 2 điểm.
- + Nông dân không san bằng mặt ruộng thì không có điểm.

4. Xử lý hạt giống và gieo sạ:**- Xử lý hạt giống:**

- + Trước khi xuống giống 7 – 10 ngày nên kiểm tra tỉ lệ nảy mầm hạt giống.

+ Phải biết ngày thu hoạch lô giống để có biện pháp xử lý giống/phá miên trạng phù hợp, có thể xử lý acid nitric 0,2%. Lưu ý: không dùng hóa chất để xử lý hạt giống nhằm mục đích trừ bù lạch và rầy nâu, có thể sử dụng một số loại kích kháng để xử lý hạt giống.

+ Ngâm ủ hạt giống: Trước khi ngâm ủ đem đãi sạch loại bỏ hạt lép lửng (nếu có) sau đó tiến hành ngâm giống trong nước sạch từ 24 đến 36 giờ, khi thấy hạt lúa no nước, sau đó đem ủ trong vòng 24 – 48 giờ (tùy phương pháp gieo sạ mà thời gian ủ dài ngắn sẽ cho ra rễ mầm tương ứng). Nên ủ nơi khô thoáng, 12 giờ trước khi gieo sạ khi có rễ mầm có thể trộn thuốc bảo vệ thực vật ngừa bù lạch, rầy nâu đầu vụ,...

- + Tiến hành gieo sạ.

- Mật độ gieo sạ: tùy theo mùa vụ và thời tiết, lượng giống cần để gieo sạ:

+ 80 – 100kg/ha đối với sạ bằng phương pháp kéo hàng, sạ bằng tay, bằng máy phun hạt 3 trong 1;

- + 50 – 70kg/ha đối với phương pháp sạ theo cụm (khóm), cấy.

5. Phân bón:

- Công thức phân bón:

Phân bón		
Vụ Đông Xuân (ĐX)	Vụ Hè Thu (HT)	Vụ Thu Đông (TĐ)
1. Đối với đất canh tác 2 vụ lúa/năm:		
- Đối với vùng đất phù sa: $100 - 110N + 40 - 50P_2O_5 + 40 - 50K_2O$; - Đối với vùng đất phèn nhẹ: $90 - 100N + 50 - 60 P_2O_5 + 40 - 50K_2O$; - Đối với vùng đất phèn trung bình: $80 - 90N + 50 - 60P_2O_5 + 40 - 50K_2O$;	- Đối với vùng đất phù sa: $90 - 100 N + 40 - 50 P_2O_5 + 40 - 50K_2O$; - Đối với vùng đất phèn nhẹ: $70 - 80 N + 50 - 60 P_2O_5 + 30 - 40K_2O$; - Đối với vùng đất phèn trung bình: $70 - 80N + 50 - 60 P_2O_5 + 30 - 40K_2O$;	
2. Đối với đất canh tác 3 vụ lúa/năm:		
Có thể bón tăng thêm 20% tổng lượng đạm (của đất canh tác 3 vụ lúa/năm) và nên bổ sung phân hữu cơ nhằm cải tạo đất	Có thể bón tăng thêm 20% tổng lượng đạm (của đất canh tác 3 vụ lúa/năm) và nên bổ sung phân hữu cơ nhằm cải tạo đất	- Đối với vùng đất phù sa: $90 - 100 N + 40 - 50 P_2O_5 + 40 - 50K_2O$; - Đối với vùng đất phèn nhẹ: $70 - 80 N + 50 - 60 P_2O_5 + 30 - 40K_2O$; - Đối với vùng đất phèn trung bình: $70 - 80N + 50 - 60 P_2O_5 + 30 - 40K_2O$;
- Đất phù sa ven sông gồm các huyện: An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Chợ Mới. - Đất phèn nhẹ gồm các huyện: Long Xuyên, Châu Thành, Châu Phú, Châu Đốc. - Đất phèn trung bình gồm các huyện: Tri Tôn, Tịnh Biên, Thoại Sơn.		

- Cách bón phân: chia làm **3 lần** bón:

+ Đợt 1 (7 – 10NSS): 1/3 lượng phân đạm, 1/2 lượng phân lân, 1/3 lượng phân kali.

+ Đợt 2 (18 – 20NSS): 1/3 lượng phân đạm, 1/2 lượng phân lân.

+ Đợt 3 (35 - 40NSS và khi lúa có đòng từ 1 - 2mm tùy vào nhóm giống mà có thời gian bón phù hợp): 1/3 lượng phân đạm, 2/3 lượng phân kali.

Đối với vùng đất phèn: nên bón lót trước khi gieo sạ, liều lượng 100 – 140kg/ha.

Để giúp cây lúa khỏe và tăng tính chống chịu: có sử dụng thêm một số loại phân bón trung vi lượng như: Canxi, Silic,...

- Quản lý dinh dưỡng cần lưu ý:

(1) - Chọn thời điểm bón phân bón (vô cơ hoặc hữu cơ; N, P, K) phải theo nhu cầu của cây lúa, phù hợp với khuyến cáo của địa phương và theo hướng dẫn trên nhãn sản phẩm của bao bì sản phẩm.

(2) – Lượng phân bón sử dụng dựa vào độ phì nhiêu của đất, năng suất mong đợi, theo khuyến cáo của địa phương và theo chỉ dẫn của bao bì sản phẩm.

(3) – Áp dụng hệ thống sản xuất tự nhiên (luân canh, xen canh, trồng cây bản địa che phủ mặt đất) để tăng cường độ phì nhiêu của đất.

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:**

- *Nông dân áp dụng tất cả các biện pháp quản lý dinh dưỡng cần lưu ý trên (1,2,3):thì sẽ đạt điểm tối đa là 6 điểm.*

- *Nông dân thực hiện 2 phương pháp bất kỳ sẽ được 4 điểm.*

- *Nông dân thực hiện 1 phương pháp bất kỳ sẽ đạt 2 điểm.*

- *Nông dân không thực hiện bất kỳ phương pháp nào thì không có điểm.*

6. Quản lý nước:

*** Vụ Đông Xuân:** Áp dụng kỹ thuật tưới ướt khô xen kẽ:

- Giai đoạn 0 - 7 NSS: tháo nước thật ráo chỉ cần đủ ẩm để hạt lúa nảy mầm tốt (tránh chết vũng).

- Giai đoạn 7 - 10 NSS: đưa nước vào ruộng từ 1 - 3cm để bón phân đợt I, giữ nước liên tục đến 20 NSS từ 3 – 5cm và giữ liên tục khi bón phân đợt 2 (18 - 22 NSS), giai đoạn này cây lúa cần nước để phát triển, ngoài ra giữ nước trên ruộng giúp hạn chế cỏ dại.

- Bơm nước bón phân đợt 2. Giữ mực nước cao tối đa không quá 5cm.

- Giai đoạn 25 - 40 NSS: giai đoạn này chỉ cần nước vừa đủ, giữ mực nước từ bằng mặt đất cho đến thấp hơn mặt đất khoảng 15cm và khi mực nước dưới 15cm thì bơm nước vào ngập tối đa không quá 5cm và để mực nước hạ xuống dưới 15cm mới bơm tiếp.

- Giai đoạn 40 – 45 NSS: cần bơm 1 – 3cm trước khi bón phân lần 3 (khi có trên 2/3 ruộng chuyển sang vàng chanh là giai đoạn bón phân lần 3)

- Giai đoạn 60 - 75 NSS: cần giữ mực nước trong ruộng cao 3 - 5cm liên tục trong vòng 10 ngày, nhằm giúp cho lúa trở đều và thụ phấn dễ dàng, hạt lúa không bị lép hoặc lửng.

- Sau khi lúa trở đều tiếp tục điều tiết nước tương tự giai đoạn 25 – 40 ngày.

- Trước khi thu hoạch 10 - 15 ngày: tháo nước khô mặt ruộng, giúp lúa mau chín và thuận tiện để sử dụng máy gặt đập liên hợp.

Lưu ý: + Các giai đoạn quản lý nước có thể chênh lệch từ 3 - 5 ngày tùy theo đặc tính và thời gian sinh trưởng của giống lúa.

+ Không để ruộng thất thoát nước sau khi bón phân.

*** Vụ Hè Thu và vụ Thu Đông:**

- Áp dụng kỹ thuật tưới ướt khô xen kẽ: tương tự vụ Đông Xuân

- Lưu ý: Những lúc mưa nhiều thì không quản lý nước nhưng thời điểm không có mưa thì vẫn theo mực nước trong ống nhựa hoặc theo những rãnh nước trong ruộng.

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP: bao gồm 2 phần:**

(1) yêu cầu về thoát nước hay khai nước ra:

- Nông dân không cần phải khai nước ra vì đã có các biện pháp canh tác tốt hoặc có khai nước ra mà không có sử dụng thuốc BVTV sẽ đạt điểm tối đa 3 điểm.

- Nông dân cần đảm bảo được thời gian khai nước ra. Sau khi sạ phân ít nhất 4 ngày mới được khai nước ra (để tăng hiệu quả sử dụng phân bón, hạn chế ô nhiễm môi trường,...); sau khi phun thuốc bảo vệ thực vật ít nhất 14 ngày hoặc theo hướng dẫn của bao bì sản phẩm, để đảm bảo lượng nước khai ra an toàn cho các loài thủy sinh thì đạt điểm ngưỡng là 2 điểm.

- Nông dân chậm khai nước sau khi sử dụng các hóa chất nông nghiệp, nhưng ít ngày hơn để bảo vệ cây lúa vì có các yếu tố bất ngờ (mưa, bão,...) thì chỉ được 1 điểm.

- Còn lại không thuộc các trường hợp trên thì không điểm.

(2) Nâng cao hiệu quả sử dụng nước:

- Nông dân có áp dụng đầy đủ các biện pháp (làm đất khô trước khi ngập nếu đất nứt nẻ, san phẳng mặt ruộng và gia cố bờ thửa vững chắc, tưới ngập khô xen kẽ, sử dụng giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày hoặc trung ngày có năng suất tiềm năng, rút nước trước thu hoạch 10-15 ngày) để nâng cao hiệu quả sử dụng nước phù hợp với từng vùng thì sẽ đạt tối đa 3 điểm.

- Nông dân chỉ áp dụng 50% các biện pháp liệt kê ở trên thì sẽ được 2 điểm.

- Nông dân chỉ áp dụng 25% các biện pháp liệt kê ở trên thì sẽ được 1 điểm.

- Nông dân không áp dụng sẽ không có điểm.

7. Quản lý dịch hại (sâu bệnh hại, chuột):

- Cần áp dụng biện pháp IPM: hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật từ 0 – 40 ngày đầu và áp dụng biện pháp sinh học sử dụng các dòng nấm như: *Beauveria sp*, *Metarhizium anisopliae* khi áp lực sâu bệnh còn thấp.

- Áp dụng ruộng lúa bờ hoa để thu hút thiên địch (chiều rộng bờ ruộng $\geq 1\text{m}$)

- Sử dụng thuốc hóa học khi đến ngưỡng hành động và phải theo phương pháp 4 đúng; sử dụng luân phiên các hoạt chất được Bộ NN cho phép sử dụng và thay đổi thị trường nhập khẩu gạo.

Khi sử dụng thuốc hóa học, các hoạt chất khuyến cáo phòng trừ một số đối tượng:

*** Sâu hại chính:**

+ Đối với rầy nâu: sử dụng hoạt chất: Triflumezopyrim, Thiamethoxam, Pymetrozine, Dinotefuran,... (*Lưu ý: Khi phun hướng voi vào thân cây lúa và phun đủ lượng thuốc theo khuyến cáo*).

+ Đối với sâu cuốn lá nhỏ: sử dụng các hoạt chất như: Flubendiamide, Indoxacarb, Chlorantraniliprole.

+ Đối với muỗi hành:

- Cần áp dụng biện pháp tưới ngập – khô xen kẽ.
- Bón thúc đẻ nhánh sớm tăng chồi hữu hiệu.
- Áp dụng biện pháp hóa học cần sử dụng các hoạt chất như: Permethrin, Flubendiamide,...

*** Bệnh hại chính:**

+ Bệnh đốm vằn: sử dụng hoạt chất: Validamycin, Pencycuron,...

+ Đối với bệnh vàng lá: sử dụng hoạt chất Abendazole, Mancoze,...

+ Đối với bệnh đạo ôn: sử dụng hoạt chất như: Flutriafol, Fenoxanil, Trifloxystrobin - Propineb,...

+ Bệnh lem lép : Benzene-hexachloride, Flutriafol, Fenoxanil,...

*** Lưu ý:**

+ Nên sử dụng giống lúa ít nhiễm sâu bệnh.

+ Bón phân cân đối không bón thừa phân đạm, mật độ sạ vừa phải.

+ Khi xử lý thuốc hóa học ở giai đoạn trổ, chín đối với sản xuất lúa hàng hóa phải đảm bảo thời gian cách ly để dư lượng trên nông sản thấp hơn mức dư lượng tối đa cho phép của từng loại hoạt chất.

*** Phòng trừ chuột hại lúa:**

+ Cần tổ chức xuống giống và thu hoạch đồng loạt, vệ sinh đồng ruộng phát quang bụi rậm, đào hang, bơm nước để bắt chuột (vận động người dân nâng cao ý thức tham gia trong các chiến dịch diệt chuột và thường xuyên diệt chuột tại cộng đồng).

+ Dùng các loại bẫy và đặt bẫy mỗi trước lúc mặt trời lặn và thu vào sáng sớm, những bẫy sau khi sử dụng cần vệ sinh, ngâm nước để dùng lại.

+ Dùng hàng rào nylon bao quanh ruộng.

+ Đánh bả chuột ở những nơi có dấu chân chuột, đường chạy, cửa hang,... với loại thuốc hoạt chất như: Bromadiolone, Brodifacoum, Coumatetralyl, Diphacinone.

+ Liều lượng sử dụng theo khuyến cáo.

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP** (bao gồm quản lý sâu, bệnh, cỏ, chuột, ốc, chim):

Thuốc bảo vệ thực vật chỉ được sử dụng khi dịch hại vượt quá ngưỡng hành động và sẽ gây ra thiệt hại hoặc thất thoát đáng kể, ưu tiên sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học.

Khi sử dụng thuốc BVTV nông dân cần lưu ý: Chỉ sử dụng thuốc có trong danh mục thuốc đã được đăng ký sử dụng tại Việt Nam để phòng trừ các dịch hại trên lúa. Ưu tiên những hoạt chất đã có thiết lập mức dư lượng tối đa (Maximum Residue Level - MRL) trên gạo như Codex, US, Japan, Australia, ... tùy thuộc vào thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, các loại thuốc phòng trừ bệnh thường sử dụng vào cuối vụ nên nguy cơ để lại dư lượng cao. Danh mục các hoạt chất đã có thiết lập MRL có thể tham khảo trên website của Codex, EPA, Japan, Australia, ...

- Nông dân áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước khi áp dụng các biện pháp hóa học và khi sử dụng thuốc BVTV phải chọn đúng loại thuốc, có nguồn gốc rõ ràng, liều lượng theo hướng dẫn của bao bì sản phẩm, lựa chọn thời điểm sử dụng và thay đổi gốc thuốc giữa các lần phun thì đạt điểm tối đa là 3 điểm.

- Nông dân áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước khi áp dụng các biện pháp hóa học và khi sử dụng thuốc BVTV phải chọn đúng loại thuốc, có nguồn gốc rõ ràng, liều lượng theo hướng dẫn của bao bì sản phẩm thì đạt 2 điểm.

- Nông dân áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước khi áp dụng các biện pháp hóa học và khi sử dụng thuốc BVTV phải chọn đúng loại thuốc, có nguồn gốc rõ ràng thì đạt 1 điểm.

- Nông dân sử dụng thuốc BVTV không áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và sử dụng thuốc BVTV không theo khuyến cáo thì không có điểm.

8. Thu hoạch

- Thời điểm thu hoạch lúa thích hợp nhất từ 28-30 ngày sau trổ hoặc 85-90% số hạt trên bông đã chín vàng.

- Thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hợp lúc trời nắng ráo (thời điểm thu hoạch tốt nhất từ 10 giờ đến 17 giờ).

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:**

- Nông dân thu hoạch dựa theo tiêu chí về độ chín (80-85% tổng số hạt có màu vàng rơm) hoặc ẩm độ (21-24%) thì sẽ đạt điểm tối đa là 3 điểm.

- Nông dân thu hoạch dựa vào tính số ngày trổ hoặc sạ (28 – 35 ngày sau trổ vào mùa khô hoặc 32-38 ngày sau trổ vào mùa mưa; 110 ngày sau sạ đối với giống chín sớm) thì sẽ đạt 2 điểm.

- Nông dân thu hoạch dựa vào đặc điểm của các hạt phân dưới của nhánh gié thì chỉ đạt 1 điểm.

- Nông dân thu hoạch không dựa vào các trường hợp trên thì sẽ không có điểm./.

PHU LỤC 2

Đặc tính giống một số giống

1/ Đặc tính giống OM18

Chỉ tiêu	Đặc tính
TGST (ngày)	95 - 100
Chiều cao (cm)	100 - 110
Đạo ôn	Kháng cấp 2
Rầy nâu	Hơi nhiễm cấp 5
Năng suất (tấn/ha)	ĐX: 7 – 8 tấn/ha; HT: 5 – 6 tấn/ha
Đổ ngã (Độ cứng cây)	Cứng cây cấp 1
Đặc tính khác	Canh tác được các vụ trong năm
Phẩm chất gạo	Hạt thon dài, mềm cơm

2/ Đặc tính giống OM5451

Chỉ tiêu	Đặc tính
TGST (ngày)	95 - 100
Chiều cao (cm)	100 - 110
Đạo ôn	Kháng cấp 2
Rầy nâu	Hơi nhiễm cấp 5
Năng suất (tấn/ha)	ĐX: 7 – 8 tấn/ha; HT: 5 – 6 tấn/ha
Đổ ngã (Độ cứng cây)	Cứng cây cấp 1
Đặc tính khác	Canh tác được các vụ trong năm
Phẩm chất gạo	Hạt thon dài, mềm cơm

3/ Đặc tính giống Lộc Trời 28

Chỉ tiêu	Lộc Trời 28
TGST (ngày)	95 – 100
Chiều cao (cm)	95 - 100
Đạo ôn	Hơi kháng
Rầy nâu	Hơi nhiễm
Năng suất (tấn/ha)	ĐX 6 – 7 tấn/ha; HT 5 – 6 tấn/ha
Đổ ngã (Độ cứng cây)	Cấp 1 - 5
Đặc tính khác	Chịu phèn, mặn nhẹ
Phẩm chất gạo	Gạo đẹp, thon dài, không bạc bụng, amylose thấp 18%, có mùi thơm đặc trưng.

* Ghi chú: ĐX: Đông Xuân; HT: Hè Thu